

**Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ
Mirae Asset Prévoir**

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 49

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir ("Công ty") là công ty 100% vốn nước ngoài với thời hạn hoạt động 50 năm theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17 tháng 3 năm 2005 và Giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 31/GPĐC10/KDBH ngày 8 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư vốn nhân rỗi và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6A và 8, Tòa nhà Báo Sài Gòn Giải Phóng, 436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có một chi nhánh tại Tầng 9, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Ko Young Wan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 02 năm 2020
Bà Patricia Lacoste	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2018
Ông Khamiaya Soukhavong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2018
Ông Seol Kyung Suk	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 05 năm 2018
Ông Alferieff Ballhausen Miguel Angel	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2020
Ông Kim Jae Sik	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2022

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Ko Young Wan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2021
Bà Trương Thị Diệu Thanh	Giám đốc Nghiệp vụ	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2018
Bà Võ Phạm Tú Cẩm	Giám đốc Nhân sự và Hành chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2019
Ông Khamiaya Soukhavong	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 05 năm 2021
Ông Nguyễn Quang Huy	Chuyên gia tính phí được chỉ định	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2022
Ông Bùi Ngọc Long	Giám đốc các kênh phân phối	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Ko Young Wan, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 60848286/66983232

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir ("Công ty") được lập Ngày 19 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1



Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNNT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.979.674.957.929	2.005.169.336.488
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	322.302.546.972	465.084.290.819
111	1. Tiền		137.302.546.972	255.084.290.819
112	2. Các khoản tương đương tiền		185.000.000.000	210.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	1.373.446.859.211	1.217.456.638.069
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.373.446.859.211	1.217.456.638.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	182.308.564.449	180.495.431.501
131	1. Phải thu khách hàng		24.765.872.353	52.289.300.137
131.1	1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		24.156.200.253	52.289.300.137
131.2	1.2 Phải thu khác		609.672.100	-
132	2. Trả trước cho người bán		4.300.246.000	4.455.115.370
135	3. Phải thu ngắn hạn khác		153.242.446.096	123.751.015.994
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		101.616.987.297	142.132.976.099
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	101.616.987.297	142.132.976.099
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.634.606.894.072	1.658.863.360.151
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		47.266.970.643	17.175.250.097
218	1. Phải thu dài hạn khác		47.266.970.643	17.175.250.097
218.1	1.1 Kỳ quỹ bảo hiểm	8	15.000.000.000	12.000.000.000
218.2	1.2 Phải thu dài hạn khác	9	32.266.970.643	5.175.250.097
220	II. Tài sản cố định		54.280.456.189	38.351.545.406
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.814.650.958	9.430.002.179
222	Nguyên giá		23.479.925.224	23.636.054.710
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.665.274.266)	(14.206.052.531)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	39.093.171.838	26.389.907.149
228	Nguyên giá		164.930.608.110	147.924.509.357
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(125.837.436.272)	(121.534.602.208)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	9.372.633.393	2.531.636.078
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	1.426.752.484.077	1.286.742.356.094
258	1. Đầu tư dài hạn khác		1.426.752.484.077	1.286.742.356.094
260	IV. Tài sản dài hạn khác		106.306.983.163	316.594.208.554
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	106.306.983.163	316.594.208.554
270	TỔNG TÀI SẢN		3.614.281.852.001	3.664.032.696.639

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNNT

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.174.600.673.245	1.465.528.339.374
310	I. Nợ ngắn hạn		267.912.012.243	203.855.837.796
312	1. Phải trả người bán	15	58.552.693.695	62.334.810.306
312.1	1.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		58.552.693.695	62.334.810.306
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	61.462.494.846	14.435.905.278
316	3. Chi phí phải trả	17	16.783.444.339	16.640.049.731
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	18.1	35.494.453.076	27.548.410.691
319.1	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18.2	91.066.879.137	78.258.580.693
320	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	19	4.552.047.150	4.638.081.097
330	II. Nợ dài hạn		906.688.661.002	1.261.672.501.578
338	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		61.477.821.504	191.287.105.300
344	2. Dự phòng nghiệp vụ	20	845.210.839.498	1.070.385.396.278
344.1	2.1 Dự phòng toán học		721.904.028.157	957.627.970.341
344.2	2.2 Dự phòng phí chưa được hưởng		110.313.205.348	102.528.193.678
344.3	2.3 Dự phòng bồi thường		5.391.729.751	5.560.593.602
344.5	2.4 Dự phòng đảm bảo cân đối		6.271.079.127	3.207.976.167
344.7	2.5 Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết		1.330.797.115	1.460.662.490
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	2.439.681.178.756	2.198.504.357.265
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.439.681.178.756	2.198.504.357.265
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.158.000.000.000	2.158.000.000.000
413	2. Vốn khác của chủ sở hữu		21.000.000.000	21.000.000.000
419	3. Quỹ dự trữ bắt buộc		26.268.505.084	14.160.755.005
421	4. Lãi lũy kế		234.412.673.672	5.343.602.260
421a	4.1 Lãi lũy kế đến cuối kỳ trước		5.343.602.260	(74.816.029.394)
421b	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		229.069.071.412	80.159.631.654
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.614.281.852.001	3.664.032.696.639

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

B01-DNNT

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Cam kết thuê hoạt động (VND)	32	25.578.990.625	35.422.932.925
2. Ngoại tệ			
- Đô la Mỹ (USD)		437,30	3.414,82
- Euro (EUR)		418,81	429,73

Bà Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Ông Khamiaya Soukhavong
Giám đốc tài chính



Ông Ko Young Wan
Tổng giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Phần I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
10	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	546.813.108.526	666.346.247.733
12	Doanh thu hoạt động tài chính	206.348.559.439	205.150.344.119
13	Thu nhập khác	52.779.477.308	34.291.405
20	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(128.563.859.471)	(438.066.497.571)
22	Chi phí hoạt động tài chính	(260.503.945)	(370.821.222)
23	Chi phí bán hàng	(229.789.387.526)	(227.046.153.002)
24	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(143.735.087.729)	(107.701.417.281)
25	Chi phí khác	(345.113.586)	(704.907.104)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	303.247.193.016	97.641.087.077
51	Chi phí thuế TNDN	(62.070.371.525)	(13.237.044.620)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	241.176.821.491	84.404.042.457

Bà Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Ông Khamstaya Soukhavong
Giám đốc tài chính



Ông Koo Young Wan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
 Phần II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm		548.359.778.568	668.945.386.510
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Phí bảo hiểm gốc	22	556.144.790.238	633.384.206.429
01.3	- (Tặng)/giảm dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	22	(7.785.011.670)	35.561.180.081
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm	22.3	(1.688.572.386)	(2.715.984.451)
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần	22	546.671.206.182	666.229.402.059
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		141.902.344	116.845.674
	<i>Trong đó:</i>			
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		141.902.344	116.845.674
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		546.813.108.526	666.346.247.733
11	6. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	23	(230.226.524.006)	(280.802.712.199)
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	23	1.361.130.440	2.453.364.148
13	8. Giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	23	232.959.568.450	1.650.291.848
15	9. Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	23	4.094.174.884	(276.699.056.203)
16	10. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	24	(132.658.034.355)	(161.367.441.368)
	<i>Trong đó:</i>			
16.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(132.592.097.632)	(160.921.836.882)
16.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(65.936.723)	(445.604.486)
17	11. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(128.563.859.471)	(438.066.497.571)
18	12. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		418.249.249.055	228.279.750.162
22	13. Doanh thu hoạt động tài chính	27	206.348.559.439	205.150.344.119
23	14. Chi phí hoạt động tài chính	28	(260.503.945)	(370.821.222)
24	15. Lợi nhuận hoạt động tài chính		206.088.055.494	204.779.522.897

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

B02-DNNT

Phần II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
25	16. Chi phí bán hàng	25	(229.789.387.526)	(227.046.153.002)
26	17. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(143.735.087.729)	(107.701.417.281)
30	18. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		250.812.829.294	98.311.702.776
31	19. Thu nhập khác	29	52.779.477.308	34.291.405
32	20. Chi phí khác	29	(345.113.586)	(704.907.104)
40	21. Lãi/(lỗ) khác	29	52.434.363.722	(670.615.699)
50	22. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		303.247.193.016	97.641.087.077
51	23. Chi phí thuế TNDN	30.1	(62.070.371.525)	(13.237.044.620)
60	24. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		241.176.821.491	84.404.042.457

Bà Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Ông Khamvaya Soukhaveong
Giám đốc tài chính



Ông Leo Young Wan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

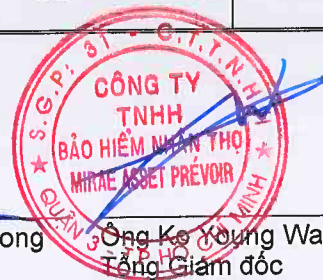
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Phương pháp trực tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B03-DNNT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		460.039.541.795	727.838.627.310
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(64.134.501.581)	(53.475.118.407)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(76.213.615.294)	(74.674.903.110)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(15.739.538.036)	(2.408.460.417)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		151.418.064.451	3.547.870.499
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(442.117.426.045)	(804.895.855.686)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		13.252.525.290	(204.067.839.811)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(24.602.640.068)	(13.091.391.719)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		62.590.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.756.200.000.000)	(1.741.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.457.390.200.000	2.095.600.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		167.314.528.705	210.009.940.871
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(156.035.321.363)	551.118.549.152
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(142.782.796.073)	347.050.709.341
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	465.084.290.819	118.031.166.708
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		1.052.226	2.414.770
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	322.302.546.972	465.084.290.819

Bà Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng

Ông Khamvaya Soukhavong
Giám đốc tài chính



Ông Khamvaya Soukhavong
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 19 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-DNNT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“Công ty”) là công ty 100% vốn nước ngoài với thời hạn hoạt động 50 năm theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày ngày 17 tháng 3 năm 2005 và Giấy phép kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 31/GPĐC10/KDBH ngày 8 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư vốn nhân rủi và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6A và 8, Tòa nhà Báo Sài Gòn Giải Phóng, 436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có một chi nhánh tại Tầng 9, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng, 23 Phan Chu Trinh, Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 137 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 147 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Thông tư số 199/2014/TT-BTC (“Thông tư 199”) ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm, Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngoài ra, trong năm 2023 một số quy định mới ban hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực, cụ thể như sau:

Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Quốc hội đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ("Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022"). Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, thay thế cho Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm, luật sở hữu trí tuệ số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 ("Luật kinh doanh bảo hiểm 2000").

Nghị định số 46/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 ("Nghị định 46") do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và Nghị định 46 ("Thông tư 67") do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023.

Nghị định 46 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, thay thế cho Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") quy định chi tiết một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm 2000. Thông tư 67 có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2023, thay thế một số điều của Thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thi hành nghị định số 73/2016/NĐ-CP. Theo đó, một số quy định tại Nghị định 46 và Thông tư 67 có hiệu lực từ năm 2023, trong đó có quy định về tài chính và báo cáo tài chính.

Trong năm, Công ty tuân thủ các quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm 2022, Nghị định 46 và Thông tư 67. Các quy định này không làm ảnh hưởng đến các chính sách kế toán mà Công ty đang áp dụng như được trình bày tại các Thuyết minh kèm theo.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và vô hình (gọi chung là "tài sản cố định") được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy tính và các thiết bị khác	4 - 5 năm
Đồ đạc và trang thiết bị	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	2 - 11 năm
Chi phí phát triển	4 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư

3.7.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Lợi ích nhân viên

3.10.1 Trợ cấp hưu trí, tử tuất, ốm đau và thai sản

Trợ cấp hưu trí, tử tuất, ốm đau và thai sản được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trả cho nhân viên của Công ty đã nghỉ hưu, nghỉ ốm đau và thai sản. Công ty có trách nhiệm đóng góp một phần vào khoản trợ cấp này bằng cách đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội. Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2021, Quyết định 23/2021/QĐ-TTg được ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2021 có hiệu lực, mức đóng áp dụng giảm từ 17,5% xuống 17% tiền lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở, thời gian áp dụng mức đóng này là 12 tháng, từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022. Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty áp dụng mức đóng bằng 17,5% tiền lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác của nhân viên và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở. Ngoài khoản đóng góp này, Công ty không còn nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí đối với nhân viên của mình.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Lợi ích nhân viên (tiếp theo)

3.10.2 Quỹ bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006, và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỷ lệ này là 0% theo Nghị quyết 116/NQ-CP năm 2021. Kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2022, mức đóng bảo hiểm thất nghiệp áp dụng là 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Công ty cũng trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

3.10.3 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty được trích theo mức bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo.

Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.11 Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm truyền thống bao gồm dự phòng toán học, dự phòng phí chưa được hưởng ("UPR"), dự phòng bồi thường, dự phòng chia lãi và dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập theo Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02 tháng 11 năm 2023 do Bộ Tài Chính ban hành. Theo đó:

- ▶ *Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần có thể được điều chỉnh theo phương pháp Zillmer đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.
- ▶ *Dự phòng cho các khoản phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
 - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR) chỉ được áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống.
- ▶ *Dự phòng chia lãi* là khoản dự phòng cho phần lãi tích lũy chưa trả đối với các hợp đồng bảo hiểm tham gia chia lãi. Dự phòng chia lãi được tính trên phần chênh lệch giữa tỉ lệ lãi suất đầu tư thực hiện đã thông báo cho các hợp đồng được chia lãi và lãi suất kỹ thuật của hợp đồng đó.
- ▶ *Dự phòng đảm bảo cân đối* được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đã được công ty trích lập theo quy định của Thông tư số 67/2023/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 như sau:

- ▶ Dự phòng nghiệp vụ đối với phần liên kết chung là giá trị tài khoản của hợp đồng trong quỹ liên kết chung. Giá trị tài khoản của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung phải bảo đảm các cam kết tại hợp đồng bảo hiểm.
- ▶ Dự phòng rủi ro bảo hiểm là số lớn hơn giữa mức dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng hoặc dự phòng tính theo phương pháp dòng tiền để đáp ứng được tất cả các khoản chi phí trong tương lai trong suốt thời hạn của hợp đồng. Trong đó, dự phòng tính theo phương pháp phí chưa được hưởng bằng 100% phí bảo hiểm rủi ro thu được trong kỳ của hợp đồng bảo hiểm liên kết chung.
- ▶ Dự phòng bồi thường được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi bồi thường doanh nghiệp bảo hiểm nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
- ▶ Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết: Dự phòng này dùng để bảo đảm cam kết của doanh nghiệp đối với khách hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi thị trường đầu tư có biến động lớn.
- ▶ Dự phòng đảm bảo cân đối được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ cho các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe đã được công ty trích lập theo quy định của Nghị định 43/2023/NĐ-CP ("Nghị định 46") do Chính phủ ban hành ngày 2 tháng 7 năm 2023 và Thông tư số 67/2023/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 như sau:

- ▶ *Dự phòng toán học* là phần chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các khoản bảo hiểm phải trả trong tương lai và giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần đối với các khoản phải thu phí bảo hiểm trong tương lai. Dự phòng toán học được tính toán cho các đơn bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm với các công thức tính toán bảo hiểm cụ thể và những nhân tố cho mỗi loại sản phẩm đã được đăng ký và chấp nhận bởi Bộ Tài chính.

Trong mọi trường hợp, kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp hệ số thời hạn 1/8 quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, tiết a khoản 2 Điều 35 Thông tư 67 trên cơ sở phí bảo hiểm gộp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

- ▶ *Dự phòng phí chưa được hưởng* là dự phòng cho thu nhập chưa được hưởng của những khoản đã trả vào ngày lập báo cáo tài chính và được tính toán trên phí bảo hiểm gộp cho tất cả các đơn bảo hiểm có thời hạn từ một năm trở xuống còn hiệu lực vào ngày lập báo cáo. Dự phòng này được tính theo các phương pháp quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư 67.
- ▶ *Dự phòng bồi thường* bao gồm dự phòng cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng cho các tổn thất đã xảy ra nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường.
 - Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết (OSC): được trích theo phương pháp từng hồ sơ với mức trích lập được tính trên cơ sở thống kê số tiền bảo hiểm phải trả cho từng hồ sơ đã yêu cầu đòi doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết.
 - Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường (IBNR), được tính theo các phương pháp quy định tại tiết b điểm 1 Điều 36 Thông tư 67.
- ▶ *Dự phòng đảm bảo cân đối* được trích lập bằng một phần trăm (1%) của lợi nhuận trước thuế, được trích lập hàng năm cho đến khi dự phòng này bằng năm phần trăm (5%) của phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của Công ty.

3.12 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng tái cơ cấu

Dự phòng tái cơ cấu phát sinh từ nghĩa vụ liên đới khi Công ty có kế hoạch chi tiết chính thức về việc tái cơ cấu và tạo nên kỳ vọng ở các đối tượng bị ảnh hưởng rằng Công ty sẽ thực hiện việc tái cơ cấu thông qua việc triển khai kế hoạch đó hoặc thông báo các vấn đề chính cho các đối tượng bị ảnh hưởng. Dự phòng tái cơ cấu được trình bày trong phần "Dự phòng phải trả ngắn hạn".

3.13 Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Tỷ lệ được trích lập của quỹ dự trữ bắt buộc bằng năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là mười phần trăm (10%) vốn điều lệ theo Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 do Chính Phủ ban hành.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc phải thu trừ chiết khấu thương mại, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được xác định phù hợp với Thông tư 67 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ được quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm được hạch toán tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh. Đối với hợp đồng bảo hiểm đóng phí một lần, doanh thu được ghi nhận vào ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Các khoản phí đến hạn sau ngày lập báo cáo nhưng đã nhận được trước ngày kết thúc giai đoạn tài chính sẽ được ghi nhận là "Doanh thu chưa thực hiện" trên bảng cân đối kế toán riêng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tiền lãi bao gồm cả số phân bổ theo phương pháp đường thẳng các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của trái phiếu và giá trị của nó khi đáo hạn. Khi tiền lãi chưa thu của một khoản đầu tư trái phiếu đã được dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản trái phiếu đó, thì khi thu được tiền lãi từ khoản đầu tư trái phiếu, doanh nghiệp phải phân bổ vào cả các kỳ trước khi nó được mua. Chỉ có phần tiền lãi của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua mới được ghi nhận là doanh thu của doanh nghiệp. Phần tiền lãi của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó.

3.15 Ghi nhận chi phí

Chi trả tiền bảo hiểm, đáo hạn và giá trị giải ước

Chi trả tiền bảo hiểm, chi trả đáo hạn và giá trị giải ước được ghi nhận khi nghĩa vụ thanh toán của Công ty theo điều khoản của hợp đồng bảo hiểm được xác lập.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính và chi trả theo từng quyết định phê chuẩn sản phẩm của Bộ Tài chính và phù hợp với Thông tư 67/2023/TT-BTC.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bảo hiểm nhân thọ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận hoạt động kinh doanh nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày những khoản công nợ tiềm tàng. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả lập dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi ngân hàng	137.302.546.972	255.084.290.819
Trong đó:		
VND	137.280.972.705	254.993.727.619
Ngoại tệ	21.574.267	90.563.200
Các khoản tương đương tiền (*)	185.000.000.000	210.000.000.000
	<u>322.302.546.972</u>	<u>465.084.290.819</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng với lãi suất 2,3%/năm đến 3,75%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền gửi ngắn hạn (*)	1.217.265.481.090	1.137.662.549.326
Trái phiếu doanh nghiệp (**)	100.000.000.000	20.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ (***)	56.181.378.121	59.794.088.743
	<u>1.373.446.859.211</u>	<u>1.217.456.638.069</u>

(*) Các khoản tiền gửi ngắn hạn là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và có kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo tài chính không quá một (1) năm với lãi suất từ 4,3%/năm đến 9,8%/năm.

(**) Các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp bằng VND có kỳ hạn gốc từ mười hai (12) đến mười tám (18) tháng và có kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo tài chính không quá một (1) năm và lãi suất 9,20%/năm.

(***) Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ bằng VND có kỳ hạn gốc mười (10) năm, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo tài chính không quá một (1) năm và lãi suất từ 8,7%/năm đến 8,8%/năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	24.765.872.353	52.289.300.137
<i>Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc</i>	24.033.975.508	51.492.866.279
<i>Phải thu tái bảo hiểm (Thuyết minh 31)</i>	122.224.745	796.433.858
<i>Phải thu khác</i>	609.672.100	-
Trả trước cho người bán	4.300.246.000	4.455.115.370
Phải thu ngắn hạn khác	153.242.446.096	123.751.015.994
<i>Lãi phải thu từ trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn</i>	73.136.261.663	62.061.540.566
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	1.264.500.000	578.036.520
<i>Phải thu từ đối tác</i>	76.096.272.472	58.331.555.509
<i>Các khoản phải thu khác</i>	2.745.411.961	2.779.883.399
	182.308.564.449	180.495.431.501

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho các đối tác	17.221.482.707	80.066.746.353
Trả trước cho hoạt động bảo hiểm	78.236.300.000	57.902.170.000
Trả trước dịch vụ công nghệ thông tin	5.624.853.779	3.653.908.468
Khác	534.350.811	510.151.278
	101.616.987.297	142.132.976.099

8. KÝ QUỸ BẢO HIỂM

Ký quỹ bảo hiểm là khoản ký quỹ bắt buộc bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và Nghị định số 46/2023/NĐ-CP.

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản ký quỹ, ký cược	2.274.915.850	2.304.915.850
Phải thu lãi từ trái phiếu và khoản tiền gửi	29.992.054.793	2.870.334.247
	32.266.970.643	5.175.250.097

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Máy tính và các thiết bị khác VND</i>	<i>Đồ đạc và trang thiết bị VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	18.676.876.346	3.938.154.673	1.021.023.691	23.636.054.710
Mua mới trong năm	587.928.000	-	-	587.928.000
Thanh lý, nhượng bán	(696.951.189)	-	(47.106.297)	(744.057.486)
Số cuối năm	18.567.853.157	3.938.154.673	973.917.394	23.479.925.224
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.595.268.533	-	473.483.000	6.068.751.533
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(12.917.873.548)	(734.232.227)	(553.946.756)	(14.206.052.531)
Khấu hao trong năm	(3.262.812.397)	(800.980.612)	(139.486.212)	(4.203.279.221)
Thanh lý, nhượng bán	696.951.189	-	47.106.297	744.057.486
Số cuối năm	(15.483.734.756)	(1.535.212.839)	(646.326.671)	(17.665.274.266)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.759.002.798	3.203.922.446	467.076.935	9.430.002.179
Số cuối năm	3.084.118.401	2.402.941.834	327.590.723	5.814.650.958

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính VND</i>	<i>Chi phí phát triển VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	146.410.150.928	1.514.358.429	147.924.509.357
Mua mới	-	3.793.361.111	3.793.361.111
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	13.212.737.642	13.212.737.642
Số cuối năm	146.410.150.928	18.520.457.182	164.930.608.110
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	117.841.343.265	1.514.358.429	119.355.701.694
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(120.020.243.779)	(1.514.358.429)	(121.534.602.208)
Hao mòn trong năm	(3.377.895.506)	(924.938.558)	(4.302.834.064)
Số cuối năm	(123.398.139.285)	(2.439.296.987)	(125.837.436.272)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	26.389.907.149	-	26.389.907.149
Số cuối năm	23.012.011.643	16.081.160.195	39.093.171.838

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (“XDCBDD”)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số đầu năm	2.531.636.078	21.460.958.173
Tăng trong năm	20.053.734.957	13.263.269.569
Kết chuyển sang tài sản cố định (Thuyết minh 11)	(13.212.737.642)	(30.962.834.969)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(1.229.756.695)
Số cuối năm	9.372.633.393	2.531.636.078

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu doanh nghiệp (i)	740.000.000.000	790.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ (ii)	96.752.484.077	152.742.356.094
Chứng chỉ quỹ (iii)	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam</i>	<i>170.000.000.000</i>	<i>170.000.000.000</i>
Tiền gửi dài hạn (iv)	390.000.000.000	144.000.000.000
	1.426.752.484.077	1.286.742.356.094

(i) Các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp bằng VND có kỳ hạn gốc từ năm (5) năm đến mười lăm (15) năm và lãi suất từ 6,35%/năm đến 8,7%/năm, với kỳ định giá lại lãi suất được xác định hàng quý, bán niên, hàng năm hoặc không định giá lại.

(ii) Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ bằng VND có kỳ hạn gốc từ chín (9) năm đến mười lăm (15) năm, kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và lãi suất từ 7,0%/năm đến 7,6%/năm.

(iii) Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư 100% vào các chứng khoán tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 20 tháng 5 năm 2019 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quỹ Đầu tư Trái phiếu Linh hoạt Mirae Asset Việt Nam là quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng mở đầu tư vào các trái phiếu và các công cụ tiền tệ tại thị trường Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam). Quỹ được cấp phép chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng lần đầu vào ngày 20 tháng 9 năm 2021 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(iv) Các khoản tiền gửi dài hạn là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo tài chính trên một (1) năm với lãi suất từ 7,05%/năm đến 10,0%/năm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	316.594.208.554	210.561.928.233
Tăng trong năm	37.401.040.391	334.199.555.441
Phân bổ trong năm	(247.688.265.782)	(228.167.275.120)
Số cuối năm	106.306.983.163	316.594.208.554

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm gốc	57.895.038.072	60.576.123.314
<i>Phải trả chi phí đáo hạn và các quyền lợi bảo hiểm khác</i>	49.733.686.269	48.941.987.067
<i>Phải trả hoa hồng bảo hiểm</i>	4.760.939.892	8.824.261.545
<i>Phải trả khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm</i>	3.400.411.911	2.809.874.702
Phải trả về hợp đồng tái bảo hiểm	657.655.623	1.758.686.992
<i>Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm</i>	657.655.623	1.758.686.992
	58.552.693.695	62.334.810.306

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.868.157.278	15.448.966.753	(15.262.492.114)	2.054.631.917
Thuế giá trị gia tăng	12.250.404	73.566.883	(83.826.943)	1.990.344
Thuế TNDN	12.533.315.186	62.070.371.525	(15.739.538.036)	58.864.148.675
Thuế khác	22.182.410	1.903.087.106	(1.383.545.606)	541.723.910
	14.435.905.278	79.495.992.267	(32.469.402.699)	61.462.494.846

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chương trình phát triển kênh phân phối	16.783.444.339	7.387.725.304
Chi phí hỗ trợ	-	4.414.606.531
Chi phí khuyến mãi	-	251.872.033
Chi phí tái bảo hiểm phải trả	-	88.135.042
Chi phí phải trả khác	-	4.497.710.821
	16.783.444.339	16.640.049.731

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC VÀ DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

18.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả chi phí kinh doanh bảo hiểm	13.381.730.537	12.458.216.659
Phải trả lương hiệu quả	11.791.963.718	11.552.791.187
Phải trả trợ cấp thôi việc	3.715.604.710	-
Phải trả phí tư vấn	3.058.545.000	10.000.000
Phải trả khác	3.546.609.111	3.527.402.845
	35.494.453.076	27.548.410.691

18.2 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phí bảo hiểm nhận trước	62.508.702.049	77.222.369.770
Phí bảo hiểm tạm thu	28.558.177.088	1.036.210.923
	91.066.879.137	78.258.580.693

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Khoản mục này là khoản dự phòng tái cơ cấu bao gồm cả dự phòng trợ cấp mất việc làm chủ yếu liên quan đến kế hoạch di dời trụ sở chính của Công ty. Quý dự phòng này đã được sử dụng cho mục đích tái cấu trúc của công ty trong năm 2021 và sẽ tiếp tục được sử dụng cho năm 2023.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng toán học VND	Dự phòng bồi thường VND	Dự phòng bảo đảm lãi suất cam kết VND	Dự phòng đảm bảo cân đối VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	102.528.193.678	957.627.970.341	5.560.593.602	1.460.662.490	3.207.976.167	1.070.385.396.278
Thay đổi trong năm	7.785.011.670	(235.723.942.184)	(168.863.851)	(129.865.375)	3.063.102.960	(225.174.556.780)
Số cuối năm	110.313.205.348	721.904.028.157	5.391.729.751	1.330.797.115	6.271.079.127	845.210.839.498

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lãi/(lỗ) lũy kế VND	Tổng cộng VND
Năm trước					
Số đầu năm	2.158.000.000.000	21.000.000.000	9.916.344.202	(74.816.029.394)	2.114.100.314.808
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	84.404.042.457	84.404.042.457
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	4.244.410.803	(4.244.410.803)	-
Số cuối năm	2.158.000.000.000	21.000.000.000	14.160.755.005	5.343.602.260	2.198.504.357.265
Năm nay					
Số đầu năm	2.158.000.000.000	21.000.000.000	14.160.755.005	5.343.602.260	2.198.504.357.265
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	241.176.821.491	241.176.821.491
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	12.107.750.079	(12.107.750.079)	-
Số cuối năm	2.158.000.000.000	21.000.000.000	26.268.505.084	234.412.673.672	2.439.681.178.756

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số vốn góp VND	Cổ phần %	Số vốn góp VND	Cổ phần %
Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Mirae Asset Prévoir-Vie	1.079.000.000.000	50,000	1.079.000.000.000	50,000
Groupe	987.813.710.000	45,775	987.813.710.000	45,775
Scor Global Vie	91.186.290.000	4,225	91.186.290.000	4,225
	2.158.000.000.000	100,00	2.158.000.000.000	100,00

21.2 Chi tiết các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.158.000.000.000	2.158.000.000.000
Số cuối năm	2.158.000.000.000	2.158.000.000.000

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM THUẦN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí bảo hiểm gốc	556.144.790.238	633.384.206.429
<i>Phí bảo hiểm gốc (Thuyết minh 22.1)</i>	558.259.475.238	646.098.959.429
<i>Hoàn phí bảo hiểm gốc (Thuyết minh 22.2)</i>	(2.114.685.000)	(12.714.753.000)
<i>(Tăng)/Giảm dự phòng phí chưa được hưởng</i>	(7.785.011.670)	35.561.180.081
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 22.3)</i>	(1.688.572.386)	(2.715.984.451)
	546.671.206.182	666.229.402.059

22.1 Phí bảo hiểm gốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bảo hiểm tử kỳ	498.861.905.507	402.339.923.444
Bảo hiểm liên kết chung	49.676.523.515	229.593.123.355
Các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ	4.335.845.270	8.251.181.150
Bảo hiểm hỗn hợp	5.104.424.946	5.630.099.480
Bảo hiểm sức khỏe	280.776.000	284.632.000
	558.259.475.238	646.098.959.429

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tiếp theo)

22.2 Hoàn phí bảo hiểm gốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bảo hiểm liên kết chung	1.986.879.000	12.356.529.000
Các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ	127.806.000	350.180.000
Bảo hiểm sức khỏe	-	8.044.000
	2.114.685.000	12.714.753.000

22.3 Phí nhượng tái bảo hiểm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bảo hiểm liên kết chung	421.818.334	792.684.938
Bảo hiểm tử kỳ	284.809.873	382.373.949
Bảo hiểm hỗn hợp	365.170	1.657.062
Các sản phẩm bảo hiểm hỗ trợ	926.492.506	1.539.268.502
Bảo hiểm sức khỏe	55.086.503	-
	1.688.572.386	2.715.984.451

23. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG VÀ TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	230.226.524.006	280.802.712.199
Chi trả đáo hạn	137.225.061.259	176.062.787.653
Chi giải ước toàn bộ	68.416.697.494	71.261.076.478
Chi giải ước một phần	5.146.304.573	8.377.130.630
Chi bồi thường	18.894.255.876	24.699.017.438
Chi thường duy trì hợp đồng	544.204.804	402.700.000
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(1.361.130.440)	(2.453.364.148)
Giảm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	(232.959.568.450)	(1.650.291.848)
Giảm dự phòng toán học	(235.723.942.184)	(3.637.100.865)
(Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường	(168.863.851)	1.417.984.741
Tăng dự phòng đảm bảo cân đối	3.063.102.960	986.273.607
Giảm dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết	(129.865.375)	(417.449.331)
	(4.094.174.884)	276.699.056.203

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

24. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi hoa hồng	132.592.097.632	160.921.836.882
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	-	268.915.177
Phí giao dịch	8.762.023	10.693.892
Chi khác	57.174.700	165.995.417
	<u>132.658.034.355</u>	<u>161.367.441.368</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí hoạt động khuyến mãi, tiếp thị và phát triển thị trường	121.676.215.243	114.857.651.993
Chi phí đào tạo kênh phân phối	55.224.641.863	67.814.036.168
Chi phí nhân viên	20.594.909.095	23.381.076.314
Chi phí phát triển mạng lưới kinh doanh	2.951.207.461	10.555.520.166
Chi phí công cụ dụng cụ	2.018.569.270	2.781.560.065
Chi phí hỗ trợ	17.075.986.917	2.480.314.578
Chi phí quà tiếp thị	4.084.013.111	2.188.493.416
Chi phí liên lạc	1.169.522.197	1.215.436.514
Chi phí thực địa và tổ chức hội nghị khách hàng	3.813.001.524	874.426.454
Chi phí khấu hao	646.789.864	827.637.334
Chi phí bán hàng khác	534.530.981	70.000.000
	<u>229.789.387.526</u>	<u>227.046.153.002</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	77.157.490.894	72.745.217.039
Chi phí thuê văn phòng	10.529.322.907	11.792.294.515
Chi phí bảo dưỡng hệ thống thông tin	13.171.033.362	9.140.608.593
Chi phí khấu hao	7.859.323.421	5.296.742.523
Chi phí dịch vụ thuê ngoài hệ thống thông tin	1.612.593.604	2.208.537.035
Chi phí công cụ dụng cụ	1.206.049.166	2.044.514.738
Chi phí đi lại	1.895.734.122	1.720.344.303
Chi phí liên lạc	1.508.101.086	1.087.753.219
Chi phí tiện ích	2.129.172.473	892.005.382
Chi phí tư vấn	15.476.957.155	550.143.509
Chi phí khác	11.189.309.539	223.256.425
	<u>143.735.087.729</u>	<u>107.701.417.281</u>

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	127.883.341.066	81.855.775.423
Thu nhập lãi từ trái phiếu	78.187.136.901	98.938.327.719
Lãi từ bán chứng chỉ quỹ	-	24.154.200.000
Phân bổ chiết khấu trái phiếu	214.672.808	197.008.646
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.685.401	5.032.331
Lãi thu từ tạm ứng từ giá trị hoàn lại	22.723.263	-
	206.348.559.439	205.150.344.119

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lưu ký chứng khoán	198.443.066	255.581.939
Phân bổ phụ trội trái phiếu	27.055.447	70.940.592
Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.005.432	44.298.691
	260.503.945	370.821.222

29. LÃI/(LỖ) KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hoạt động khác	52.779.477.308	34.291.405
<i>Thu thanh lý công cụ dụng cụ</i>	<i>62.590.000</i>	<i>1.700.000</i>
<i>Thu nhập khác (*)</i>	<i>52.716.887.308</i>	<i>32.591.405</i>
Chi phí khác	(345.113.586)	(704.907.104)
Lãi/(lỗ) khác	52.434.363.722	(670.615.699)

(*) Trong đó, có 52.566.984.145 VND là tiền thu bồi thường từ thỏa thuận chấm dứt trước hạn hợp đồng đại lý độc quyền phân phối sản phẩm với ngân hàng NCB theo thỏa thuận số 001/EDA/PVN-NCB/2016.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Chi phí thuế TNDN

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế (2022: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thuế TNDN hiện hành (<i>Thuyết minh 30.2</i>)	61.092.191.427	12.533.315.186
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu những năm trước	978.180.098	703.729.434
Chi phí thuế TNDN	62.070.371.525	13.237.044.620

30.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	303.247.193.016	97.641.087.077
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2022: 20%)	60.649.438.603	19.528.217.415
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Thay đổi trong chi phí trích trước	28.678.922	-
Chi phí không được khấu trừ	414.284.347	658.529.904
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thay đổi trong chi phí trích trước	-	(7.652.949.179)
Lãi/(lỗ) do đánh giá ngoại tệ	(210.445)	(482.954)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	61.092.191.427	12.533.315.186

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Scor Global Vie	Công ty góp vốn	Phí nhượng tái bảo hiểm Thu bồi thường nhượng tái	82.455.074 -	263.838.584 (1.000.364.148)
Prévoir-Vie Groupe	Công ty góp vốn	Phí hỗ trợ kỹ thuật	-	1.710.589.760

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải thu/(Phải trả) Số cuối năm VND</i>	<i>Phải thu/(Phải trả) Số đầu năm VND</i>
Scor Global Vie	Công ty góp vốn	Phí nhượng tái bảo hiểm	122.224.745	796.433.858

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lương và thưởng	17.532.153.253	19.646.228.093

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dưới một (1) năm	9.843.942.300	15.459.430.300
Từ một (1) đến năm (5) năm	15.735.048.325	19.963.502.625
	25.578.990.625	35.422.932.925

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

33. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

33.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính của Công ty là nhằm đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định, Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Thành viên. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Thành viên đến Ban Giám đốc và các quản lý cấp cao khác.

Công ty chủ động quản lý tài sản của mình bằng cách sử dụng phương pháp xem xét chất lượng tài sản/tín dụng, đa dạng hóa, phù hợp giữa tài sản nợ và có, quản lý thanh khoản và quản lý kỳ hạn để đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư. Mục tiêu của quá trình đầu tư là đạt được mục tiêu lợi nhuận đầu tư với mức độ biến động tối thiểu, Công ty đánh giá và phê duyệt định kỳ danh mục đầu tư theo mục tiêu xác định, thiết lập, hướng dẫn nguyên tắc và các hạn mức đầu tư và giám sát quy trình quản lý tài sản.

Công ty thiết lập danh mục tài sản mục tiêu cho từng loại sản phẩm bảo hiểm chính theo yêu cầu quản lý riêng, Chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản dựa trên năng lực, thời gian, độ nhạy cảm, rủi ro thị trường, tính biến động, tính thanh khoản, mức độ tập trung tài sản, tỷ giá và chất lượng tín dụng. Các ước tính và giả định được sử dụng trong việc xác định số tiền và thời hạn thanh toán cho chủ hợp đồng bảo hiểm được đánh giá lại một cách thường xuyên. Đa số những ước tính và giả định đề ra luôn có yếu tố chủ quan và do đó có thể tác động đến khả năng và mục tiêu quản lý tài sản.

33.2 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Yêu cầu về khả năng thanh toán phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty, theo đó Công ty phải duy trì nguồn tài sản vừa đủ để đáp ứng các nghĩa vụ nợ và các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định bởi Bộ Tài chính.

Các cơ quan quản lý luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng và theo dõi liên tục để đảm bảo các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của khách hàng. Các cơ quan quản lý yêu cầu các công ty bảo hiểm phải duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp để ứng phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự kiến do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên. Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty:

	<i>Biên khả năng thanh toán triệu VND</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu triệu VND</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.126.071	86.786	2.450%
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.643.761	143.658	1.144%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty được tính toán theo quy định của Bộ Tài chính là một chỉ số về trạng thái khả năng thanh toán tổng thể liên quan đến các hoạt động bảo hiểm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

33. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

33.3 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Đối với thỏa thuận tái bảo hiểm mức dôi, số tiền bảo hiểm giữ lại đối với mỗi người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm tử kỳ và bảo hiểm tử kỳ dư nợ tín dụng cá nhân là 1 tỷ đồng; và đối với mỗi người được bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm liên kết chung là 2 tỷ đồng.

Theo các điều khoản của các thỏa thuận tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu công ty nhận tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tử vong, tai nạn, sức khỏe của người được bảo hiểm hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện bảo hiểm. Theo đó, Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Công tác quản trị rủi ro bảo hiểm luôn được chú trọng nhằm mục tiêu quản lý các rủi ro bảo hiểm nói trên cũng như tối đa hoá lợi nhuận của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, nguyên tắc tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

Đối với các sản phẩm bảo hiểm truyền thống, dự phòng bảo hiểm được tính chung trên cơ sở phí điều chỉnh bảo hiểm ròng, phí bảo hiểm ròng được điều chỉnh bởi hệ số điều chỉnh Zillmer hoặc phí bảo hiểm gộp điều chỉnh. Phí bảo hiểm thuần là mức phí phải trả trong thời gian đóng phí mà giá trị hiện tại tại thời điểm bắt đầu hợp đồng đủ bù đắp cho giá trị hiện tại của các quyền lợi bảo hiểm được đảm bảo tại thời điểm đáo hạn hay khi xảy ra rủi ro bảo hiểm. Dự phòng bảo hiểm khi đó sẽ được tính bằng cách trừ giá trị hiện tại của phí bảo hiểm thuần điều chỉnh trong tương lai khỏi giá trị hiện tại của các nghĩa vụ được đảm bảo đã đáo hạn hoặc trong trường hợp xảy ra rủi ro được bảo hiểm (như tử vong, thương tật) tính đến ngày báo cáo. Dự phòng được coi là bằng không trong trường hợp tính theo phương pháp và cơ sở nêu trên cho ra kết quả là số âm. Cơ sở phí bảo hiểm thuần điều chỉnh không tính đến việc dừng hợp đồng từ phía bên mua bảo hiểm vì nếu xem xét cả yếu tố này có thể dẫn đến giảm dự phòng bảo hiểm.

Đối với sản phẩm bảo hiểm liên kết chung, dự phòng bảo hiểm được xác định bằng giá trị tài khoản của tất cả các hợp đồng còn hiệu lực, cộng thêm phần dự phòng cho các rủi ro bảo hiểm còn hiệu lực, dự phòng theo phương pháp dòng tiền và dự phòng cho khoản thưởng duy trì hợp đồng.

Dự phòng phí chưa được hưởng sẽ được áp dụng với các rủi ro của các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ một (1) năm trở xuống.

34. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM (tiếp theo)

Đặc tính sản phẩm bảo hiểm nhân thọ truyền thống

Đặc điểm cơ bản của sản phẩm bảo hiểm truyền thống là cung cấp quyền lợi bảo hiểm tử vong được đảm bảo được xác định từ thời điểm phát hành hợp đồng.

Đặc tính sản phẩm bảo hiểm nhân thọ liên kết chung

Công ty hiện đang cung cấp các sản phẩm bảo hiểm liên kết chung với cả hai yếu tố bảo vệ và đầu tư trong quỹ liên kết chung. Công ty hiện tại đang cung cấp hai nhóm sản phẩm bảo hiểm liên kết chung: sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đóng phí một lần và sản phẩm bảo hiểm liên kết chung đóng phí định kỳ.

Lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu cho sản phẩm này không thấp hơn 3,5% (cho một số sản phẩm liên kết chung được thiết kế ở giai đoạn trước) hoặc 2% (cho sản phẩm liên kết chung được thiết kế trong giai đoạn gần đây). Trong trường hợp người tham gia bảo hiểm tử vong, và khi hợp đồng đáo hạn, người tham gia hợp đồng bảo hiểm được nhận lãi đầu tư theo tỉ lệ lãi suất đầu tư của năm trước năm xảy ra sự kiện bảo hiểm hay năm đáo hạn hoặc không nhận được lãi đầu tư phát sinh từ ngày đầu tiên của năm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc điều khoản hợp đồng của mỗi sản phẩm bảo hiểm liên kết chung. Trong trường hợp người bảo hiểm yêu cầu giải ước trước ngày đáo hạn hoặc ngoài sự kiện bảo hiểm, người tham gia hợp đồng bảo hiểm được nhận lãi đầu tư theo tỉ lệ lãi suất đầu tư cam kết tối thiểu hoặc không nhận được lãi đầu tư phát sinh từ ngày đầu tiên của năm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định trong Quy tắc điều khoản hợp đồng của mỗi sản phẩm bảo hiểm liên kết chung.

Phí bảo hiểm thu được sẽ được chuyển vào quỹ liên kết chung của Công ty sau khi trừ đi các loại phí phân bổ. Các phí khác như phí bảo hiểm rủi ro, phí quản lý hợp đồng và phí quản lý quỹ sẽ được khấu trừ từ giá trị tài khoản quỹ.

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định

Quy trình xây dựng các giả định là nhằm đưa ra các ước tính thận trọng và ổn định về kết quả tương lai. Điều này được đảm bảo bằng việc áp dụng giả định tương đối thận trọng để tránh các biến động trong thực tiễn hoạt động. Hoạt động kiểm tra hàng năm được thực hiện nhằm đảm bảo mức chênh lệch giữa giả định áp dụng và ước tính khả thi nhất với kết quả trong tương lai nằm trong giới hạn chấp nhận được. Các giả định được xem xét bao gồm giả định về xác suất xảy ra tổn thất và lãi suất đầu tư.

Các giả định

Các giả định cơ bản sử dụng trong tính toán dự phòng cho các hợp đồng dài hạn:

(i) Bảng tỷ lệ tử vong

Bảng tỷ lệ tử vong sử dụng trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt và tuân thủ theo quy định của pháp luật. Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980 đang được sử dụng.

(ii) Bảng phân loại bệnh tật

Tỷ lệ xảy ra bệnh tật trong tính toán dự phòng dựa trên cơ sở toán học được phê duyệt. Tỷ lệ xảy ra bệnh tật chủ yếu bao gồm các căn bệnh nguy hiểm và thương tật được tính toán từ thống kê về thanh toán quyền lợi được chi trả và phí bảo hiểm bình quân năm.

(iii) Lãi suất

Công ty đang sử dụng lãi suất tính toán là 2,0 đến 2,5%.

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các công cụ tài chính tại Công ty chịu sự tác động của ba loại rủi ro chính là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập một hệ thống kiểm soát để tạo ra mức cân bằng hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi hoạt động quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng đó.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

35.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản cho vay và phải thu và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Mức độ ảnh hưởng của rủi ro thị trường đến Công ty được tập trung vào danh mục đầu tư của Công ty. Toàn bộ danh mục đầu tư của Công ty là các công cụ có kỳ hạn cố định, được quản lý theo nguyên tắc cân đối với việc thanh toán các nghĩa vụ như đã dự tính. Công ty theo dõi rủi ro này thông qua việc xem xét định kỳ trạng thái tài sản và nghĩa vụ. Những ước tính về dòng tiền, cũng như ảnh hưởng của biến động lãi suất đến danh mục đầu tư và các quỹ dự phòng bảo hiểm, đều được thiết lập mô hình và được xem xét thường xuyên. Mục tiêu tổng thể của chiến lược đầu tư này là để hạn chế sự chênh lệch giữa giá trị của tài sản và công nợ do sự thay đổi về lãi suất.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa USD và VND. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Ảnh hưởng của các thay đổi có thể xảy ra đối với báo cáo tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty trong trường hợp có sự biến động về tỷ giá giữa USD và VND được trình bày trong bảng dưới đây, giả định rằng tất cả các biến khác đều không thay đổi.

<i>Biến số tăng/(giảm)</i>	<i>Ảnh hưởng tới lợi nhuận trước thuế VND</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
+5%	1.078.710
- 5%	(1.078.710)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
+5%	4.528.160
-5%	(4.528.160)

35.2 Rủi ro tín dụng

Công cụ có kỳ hạn cố định mà Công ty đang đầu tư (bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp) là đối tượng của rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng được định nghĩa là khả năng tiềm tàng có thể xảy ra lỗ trên giá thị trường do khả năng trả nợ của bên vay hoặc đối tác có những thay đổi bất lợi. Mục tiêu của Công ty là đạt được lợi nhuận có tính cạnh tranh tương đối bằng cách đầu tư vào một danh mục đa dạng. Ban Giám đốc đã ban hành một chính sách tín dụng, trong đó các mức giới hạn được đặt ra để quản lý chất lượng tín dụng và rủi ro tập trung.

Công ty còn có những khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm và những khoản phải thu khác cũng phải chịu rủi ro tín dụng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, cũng như xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết rủi ro tín dụng theo từng nhóm tài sản tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VND	Bị giảm giá trị riêng biệt VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.800.199.343.288	-	-	2.800.199.343.288
Trái phiếu Chính phủ	152.933.862.198	-	-	152.933.862.198
Trái phiếu doanh nghiệp	840.000.000.000	-	-	840.000.000.000
Tiền gửi	1.607.265.481.090	-	-	1.607.265.481.090
Chứng chỉ quỹ	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Cho vay và phải thu	225.275.289.092	-	-	225.275.289.092
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	2.274.915.850	-	-	2.274.915.850
Phải thu hoạt động bảo hiểm	24.765.872.353	-	-	24.765.872.353
Lãi phải thu	103.128.316.456	-	-	103.128.316.456
Tài sản ngắn hạn khác	80.106.184.433	-	-	80.106.184.433
Tiền và tương đương tiền	322.302.546.972	-	-	322.302.546.972
	3.347.777.179.352	-	-	3.347.777.179.352

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

B09-DNNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết rủi ro tín dụng theo từng nhóm tài sản tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt VND	Bị giảm giá trị riêng biệt VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.504.198.994.163	-	-	2.504.198.994.163
Trái phiếu Chính phủ	212.536.444.837	-	-	212.536.444.837
Trái phiếu doanh nghiệp	810.000.000.000	-	-	810.000.000.000
Tiền gửi	1.281.662.549.326	-	-	1.281.662.549.326
Chứng chỉ quỹ	200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Cho vay và phải thu	193.215.566.228	-	-	193.215.566.228
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	2.304.915.850	-	-	2.304.915.850
Phải thu hoạt động bảo hiểm	52.289.300.137	-	-	52.289.300.137
Lãi phải thu	64.931.874.813	-	-	64.931.874.813
Tài sản ngắn hạn khác	61.689.475.428	-	-	61.689.475.428
Tiền và tương đương tiền	465.084.290.819	-	-	465.084.290.819
	3.162.498.851.210	-	-	3.162.498.851.210

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 8 năm 2019. Trong đó:

Chưa quá hạn và không giảm giá trị: các tài sản tài chính hoặc các khoản cho vay với lãi suất và nợ gốc chưa tới ngày đáo hạn và không có bằng chứng của việc suy giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị riêng biệt: tài sản tài chính với lãi và nợ gốc đã quá hạn nhưng công ty tin rằng các khoản này không bị giảm giá trị vì chúng được đảm bảo bởi các tài sản thế chấp và tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng và các biện pháp đảm bảo tín dụng khác của khách hàng.

Bị giảm giá trị riêng biệt: các công cụ nợ và các khoản cho vay khách hàng mà công ty cho rằng không thể thu hồi lãi và nợ gốc theo các điều khoản của hợp đồng.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

35. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro không thực hiện được các cam kết tài chính do mất cân đối giữa tài sản và trách nhiệm trong ngắn hạn.

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền mặt, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Công ty không có đủ lượng tiền mặt để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản của các quỹ này.

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản tài chính và của các khoản nợ tài chính trên cơ sở đã chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn (Triệu VND)	Không kỳ hạn (Triệu VND)	Đến 1 năm (Triệu VND)	Từ 1 - 3 năm (Triệu VND)	Từ 3 - 5 năm (Triệu VND)	Từ 5 - 15 năm (Triệu VND)	Trên 15 năm (Triệu VND)	Tổng cộng (Triệu VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023								
Tài sản tài chính – gộp								
Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.373.446	590.000	190.000	646.752	-	2.800.198
Trái phiếu Chính phủ	-	-	56.781	-	-	96.752	-	152.933
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	100.000	-	190.000	550.000	-	840.000
Tiền gửi	-	-	1.217.265	390.000	-	-	-	1.607.265
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	200.000	-	-	-	200.000
Cho vay và phải thu	-	-	195.283	29.992	-	-	-	225.275
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	15.000	-	-	-	-	15.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	-	-	2.275	-	-	-	-	2.275
Phải thu hoạt động bảo hiểm	-	-	24.766	-	-	-	-	24.766
Lãi phải thu	-	-	73.136	29.992	-	-	-	103.128
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	80.106	-	-	-	-	80.106
Tiền và tương đương tiền	-	137.303	185.000	-	-	-	-	322.303
	-	137.303	1.753.729	619.992	190.000	646.752	-	3.347.776
Nợ tài chính								
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	-	-	171.351	61.272	38.157	222.445	351.986	845.211
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	57.895	-	-	-	-	57.895
Phải trả hoạt động tái bảo hiểm	-	-	658	-	-	-	-	658
Các khoản phải trả khác	-	-	145.775	-	-	-	-	145.775
	-	-	375.679	61.272	38.157	222.445	351.986	1.049.539
Chênh lệch thanh khoản ròng	-	137.303	1.378.050	558.720	151.843	424.307	(351.986)	2.298.237

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

35 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu, và của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu và thời gian ước tính của các luồng tiền phát sinh từ các nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Quá hạn (Triệu VND)	Không kỳ hạn (Triệu VND)	Đến 1 năm (Triệu VND)	Từ 1 - 3 năm (Triệu VND)	Từ 3 - 5 năm (Triệu VND)	Từ 5 - 15 năm (Triệu VND)	Trên 15 năm (Triệu VND)	Tổng cộng (Triệu VND)
Ngày 31 tháng 12 năm 2022								
Tài sản tài chính – gộp (*)								
Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	1.217.457	300.203	220.000	766.539	-	2.504.199
Trái phiếu Chính phủ	-	-	59.794	56.203	-	96.539	-	212.536
Trái phiếu doanh nghiệp	-	-	20.000	100.000	20.000	670.000	-	810.000
Tiền gửi	-	-	1.137.663	144.000	-	-	-	1.281.663
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	200.000	-	-	200.000
Cho vay và phải thu	-	-	190.345	2.870	-	-	-	193.215
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	12.000	-	-	-	-	12.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	-	-	2.305	-	-	-	-	2.305
Phải thu hoạt động bảo hiểm	-	-	52.289	-	-	-	-	52.289
Lãi phải thu	-	-	62.062	2.870	-	-	-	64.932
Tài sản ngắn hạn khác	-	-	61.689	-	-	-	-	61.689
Tiền và tương đương tiền	-	255.084	210.000	-	-	-	-	465.084
	-	255.084	1.617.802	303.073	220.000	766.539	-	3.162.498
Nợ tài chính								
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	-	-	184.716	78.306	46.558	237.278	523.527	1.070.385
Phải trả hoạt động bảo hiểm gốc	-	-	60.576	-	-	-	-	60.576
Phải trả hoạt động tái bảo hiểm	-	-	1.759	-	-	-	-	1.759
Các khoản phải trả khác	-	-	124.339	-	-	-	-	124.339
	-	-	371.390	78.306	46.558	237.278	523.527	1.257.059
Chênh lệch thanh khoản ròng	-	255.084	1.246.412	224.767	173.442	529.261	(523.527)	1.905.439

(*) Số dư trình bày ở trên không bao gồm các khoản dự phòng cho giảm giá.



36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư số 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư số 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư số 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư số 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- ▶ *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▶ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▶ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▶ *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - (i) Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - (ii) Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - (iii) Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- ▶ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Đối với các khoản mục không đủ thông tin thị trường tích cực để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo, giá trị ghi sổ được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.



Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Giá trị ghi sổ gộp VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ thuần VND	Giá trị hợp lý VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản tài chính				
Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.800.199.343.288	-	2.800.199.343.288	2.837.363.791.215
Trái phiếu Chính phủ	152.933.862.198	-	152.933.862.198	152.933.862.198
Trái phiếu doanh nghiệp	840.000.000.000	-	840.000.000.000	840.000.000.000
Tiền gửi	1.607.265.481.090	-	1.607.265.481.090	1.607.265.481.090
Chứng chỉ quỹ	200.000.000.000	-	200.000.000.000	237.164.447.927
Cho vay và phải thu	225.275.289.092	-	225.275.289.092	225.275.289.092
Ký quỹ bảo hiểm	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	2.274.915.850	-	2.274.915.850	2.274.915.850
Phải thu hoạt động bảo hiểm	24.765.872.353	-	24.765.872.353	24.765.872.353
Lãi phải thu	103.128.316.456	-	103.128.316.456	103.128.316.456
Tài sản ngắn hạn khác	80.106.184.433	-	80.106.184.433	80.106.184.433
Tiền và tương đương tiền	322.302.546.972	-	322.302.546.972	322.302.546.972
	3.347.777.179.352	-	3.347.777.179.352	3.384.941.627.279
Nợ phải trả tài chính				
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	845.210.839.498	-	845.210.839.498	845.210.839.498
Phải trả về hoạt động bảo hiểm	57.895.038.072	-	57.895.038.072	57.895.038.072
Phải trả hoạt động nhượng tài bảo hiểm	657.655.623	-	657.655.623	657.655.623
Các khoản phải trả khác	145.775.330.494	-	145.775.330.494	145.775.330.494
	1.049.538.863.687	-	1.049.538.863.687	1.049.538.863.687

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DNNT

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Giá trị ghi sổ góp VND	Dự phòng giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ thuần VND	Giá trị hợp lý VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Tài sản tài chính				
Tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.504.055.082.423	-	2.504.055.082.423	2.519.186.361.907
Trái phiếu Chính phủ	212.392.533.097	-	212.392.533.097	212.392.533.097
Trái phiếu doanh nghiệp	810.000.000.000	-	810.000.000.000	810.000.000.000
Tiền gửi	1.281.662.549.326	-	1.281.662.549.326	1.281.662.549.326
Chứng chỉ quỹ	200.000.000.000	-	200.000.000.000	215.131.279.484
Cho vay và phải thu	193.215.566.228	-	193.215.566.228	193.215.566.228
Ký quỹ bảo hiểm	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	2.304.915.850	-	2.304.915.850	2.304.915.850
Phải thu hoạt động bảo hiểm	52.289.300.137	-	52.289.300.137	52.289.300.137
Lãi phải thu	64.931.874.813	-	64.931.874.813	64.931.874.813
Tài sản ngắn hạn khác	61.689.475.428	-	61.689.475.428	61.689.475.428
Tiền và tương đương tiền	465.084.290.819	-	465.084.290.819	465.084.290.819
	3.162.354.939.470	-	3.162.354.939.470	3.177.486.218.954
Nợ phải trả tài chính				
Nghĩa vụ nợ theo hợp đồng bảo hiểm	1.070.385.396.278	-	1.070.385.396.278	1.070.385.396.278
Phải trả về hoạt động bảo hiểm	60.576.123.314	-	60.576.123.314	60.576.123.314
Phải trả hoạt động nhượng tài bảo hiểm	1.758.686.992	-	1.758.686.992	1.758.686.992
Các khoản phải trả khác	124.338.824.392	-	124.338.824.392	124.338.824.392
	1.257.059.030.976	-	1.257.059.030.976	1.257.059.030.976

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


B09-DNNT

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thanh Hà
Kế toán trưởng



Ông KhamSaya SoukhaVong
Giám đốc tài chính



Ông Kyoung Wan
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2024

